

Bản án số: 07/20025/HNGĐ-ST

Ngày: 23/01/2025

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quyết.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lựu và bà Lại Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 320/2024/TLST-HNGĐ ngày 17/10/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/01/2025, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Hà Thị S**, sinh năm 1993; nơi ĐKKTT: Khu dân cư H, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương; nơi ở hiện nay: Khu 3, xã N, huyện Y, tỉnh Phú Thọ - Vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **Đình Chí T**, sinh năm 1987; địa chỉ: Khu dân cư H, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương - Vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- Người làm chứng:

+ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị Ánh H, sinh năm 1965; đều có địa chỉ: KDC H, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

+ Ông Hà Văn H, sinh năm 1970; địa chỉ: Khu 3, xã N, huyện Y, tỉnh Phú Thọ.

Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Hà Thị S trình bày như sau: Chị và anh T kết hôn với nhau vào ngày 17/8/2013 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện K (nay là phường H, thị xã K), tỉnh Hải Dương. Sau ngày cưới, anh chị chuyển về

chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh T tại KDC H, phường H, thị xã K. Thời kỳ đầu hôn nhân, chị và anh T chung sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng được một thời gian ngắn thì anh chị thường xuyên bất đồng quan điểm, hay cãi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không chịu làm ăn kinh tế, không lo toan, quan tâm chăm sóc cho gia đình. Chị đã nhiều lần động viên anh T cố gắng đi làm hỗ trợ kinh tế gia đình, chăm sóc con cái. Thời gian đầu anh T có thay đổi bản thân nhưng đến cuối năm 2015, anh T lại chơi bời nợ nân, thường xuyên đánh, đe dọa chị. Đến tháng 7/2016, chị cùng các con đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị tại khu 3, xã N, huyện Y, tỉnh Phú Thọ ở từ đó cho đến nay. Thời gian đầu ly thân, anh T và bố mẹ đẻ anh có đến tìm đón chị về nhưng chị thấy anh T vẫn chưa thay đổi bản thân nên chị không quay về chung sống với anh T. Từ đó đến nay, chị và anh T không liên lạc, quan tâm đến nhau nữa. Anh T cũng không thăm nom, quan tâm con cái. Chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và kéo dài, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Đinh Thị Mai T1, sinh ngày 02/01/2014 và Đinh Văn T2, sinh ngày 31/5/2015. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con và tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện tại chị đang làm việc bán hàng tại nhà, thu nhập khoảng 10 triệu đồng/tháng đảm bảo đủ điều kiện chăm sóc con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai đương sự, bị đơn anh Đinh Chí T trình bày: Về điều kiện kết hôn, anh trình bày như chị S trình bày nêu trên. Anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối suy nghĩ khác nhau. Cuối năm 2015, sau khi chị S sinh con thứ hai, anh chị về nhà bố mẹ đẻ chị S chơi, chị S có nguyện vọng cả gia đình chuyển về xã N, huyện Y, tỉnh Phú Thọ sinh sống, anh không đồng ý dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn với nhau. Anh và chị S ly thân nhau từ đó. Anh và gia đình anh có một vài lần tìm đón chị S và các con về nhưng không gặp được chị S. Nay chị S xin ly hôn anh, anh xác định tình cảm vợ chồng đã hết, không thể hàn gắn được nên anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị S có 02 con chung như chị S trình bày nêu trên. Khi ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T1 và giao cho chị S chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T2 kể từ khi ly hôn đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Mỗi người nuôi một con nên không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con chung với nhau. Hiện tại anh đang làm phụ sơn, thu nhập khoảng 10 triệu đồng/tháng đảm bảo đủ điều kiện chăm sóc con chung.

Về tài sản chung: Anh và chị S không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Lời khai của người làm chứng:

+ Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Ánh H - bố, mẹ đẻ của anh T trình bày: Anh T và chị S tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký tại UBND phường H, thị xã K vào ngày 17/8/2013 và được gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Sau ngày cưới, anh chị về chung sống cùng ông bà tại KDC H, phường H, thị xã K. Quá trình chung sống, chị S và anh T sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng hay cãi nhau về những điều nhỏ nhặt trong cuộc sống, sinh hoạt hàng ngày. Nguyên nhân là do anh chị không cùng suy nghĩ, không chịu nhường nhau. Ông bà đã nhiều lần động viên anh chị nhưng không thành. Đến tháng 7/2016, chị S xin phép ông bà về nhà bố mẹ đẻ tại khu 3, xã N, huyện Y, tỉnh Phú Thọ thăm gia đình thì ở lại Phú Thọ từ đó cho đến nay không về nhà. Anh chị ly thân nhau từ đó cho đến nay. Ông bà và anh T có lên tìm đón nhưng không gặp chị S. Nay ông bà xác định anh chị có mâu thuẫn nhưng mong muốn Tòa án tạo điều kiện về thời gian để ông bà khuyên nhủ anh chị về đoàn tụ. Trường hợp, chị S vẫn kiên quyết ly hôn, ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung: Anh chị có 02 con chung như anh T, chị S trình. Khi ly hôn, trường hợp anh T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông bà sẽ hỗ trợ anh T trong việc chăm sóc chỗ ăn ở cho các cháu. Ngày 26/12/2024, anh T bị tạm giữ tại nhà tạm giữ Công an thị xã K về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

+ Ông Hà Văn H - bố đẻ của chị S trình bày: Chị S và anh T được gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, chị S về chung sống cùng anh T tại KDC H, phường H, thị xã K. Khoảng giữa năm 2016, do có mâu thuẫn nên chị S và các con chuyển về nhà ông tại khu 3, xã N, huyện Y, tỉnh Phú Thọ ở. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T mãi chơi, không chịu làm ăn và không quan tâm đến gia đình. Ông có động viên chị S về đoàn tụ vợ chồng nhưng chị không đồng ý. Nay, chị S xin ly hôn anh T, ông đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định của pháp luật.

- **Trưởng khu dân cư H, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương cung cấp:** Chị S và anh T tự nguyện kết hôn và chung sống với nhau tại KDC H, phường H. Từ năm 2016, chị S đã chuyển đi nơi khác không sinh sống tại địa phương nữa. Nguyên nhân địa phương được biết do anh T chơi bời, không chịu làm ăn, không quan tâm đến vợ, con nên chị S đã ly thân với anh T. Anh chị có 02 con chung, hiện hai cháu đang ở cùng mẹ không có mặt tại địa phương. Nay chị S xin ly hôn và yêu cầu giải quyết về người nuôi dưỡng con chung, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- **UBND phường H cung cấp:** Chị S và anh T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 17/8/2013. Do anh chị không thông báo với chính quyền địa phương nên địa phương không nắm bắt được thông tin về mâu thuẫn của anh chị. Anh chị có 02 con chung hiện đang ở cùng chị S không có mặt tại địa phương. Nay chị S xin ly hôn và yêu cầu giải quyết về người nuôi dưỡng con chung, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Chị S và anh T vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa phát

biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của các đương sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2024/NĐ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Hà Thị S được ly hôn với anh Đinh Chí T.

- *Về con chung*: Giao cả 02 con chung là Đinh Thị Mai T2 sinh ngày 02/01/2014 và Đinh Văn T2 sinh ngày 31/10/2015 cho chị Hà Thị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị S, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- *Về án phí*: chị Hà Thị S phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn chị Hà Thị S và bị đơn anh Đinh Chí T nhưng cả hai đã có đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, thấy rằng:

Chị Hà Thị S và anh Đinh Chí T kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 17/8/2013 tại UBND xã H, huyện K (nay là phường H, thị xã K) tỉnh Hải Dương do vậy được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, cả chị S và anh T đều xác định trong thời gian vợ chồng chung sống đã có mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị S cho rằng anh T không chịu làm ăn kinh tế, chơi bời nợ nần, không quan tâm chăm sóc cho gia đình. Anh T xác định nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và lối suy nghĩ không giống nhau dẫn đến thường xuyên cãi vã. Chị S và anh T đã sống ly thân từ tháng 7/2016 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị S và anh T đều xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn. Chị S giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh T, anh T cũng đồng ý ly hôn. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Hà Thị S được ly hôn anh Đinh Chí T là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị S và anh T có 02 con chung là Đinh Thị Mai T1, sinh ngày 02/01/2014 và Đinh Văn T2, sinh ngày 31/5/2015. Chị S có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện tại chị đang làm việc bán hàng tại nhà, thu

nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng đảm bảo đủ điều kiện chăm sóc con chung. Anh T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T1 và giao cho chị S chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T2. Anh làm nghề phụ sơn, thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng đảm bảo đủ điều kiện chăm sóc con chung. Tuy nhiên, ngày 31/12/2024, anh T bị Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thị xã K ra Quyết định khởi tố bị can và tạm giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Xét anh T đang bị tạm giam không có điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con. Mặt khác, cả hai con chung đều đang do chị S chăm sóc nuôi dưỡng và cùng có nguyện vọng được ở với chị S. Chị S có đủ điều kiện nuôi con. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị S, giao cả hai con chung cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị S về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Hà Thị S là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị S được ly hôn anh Đinh Chí T.

2. Về con chung: Xử giao cả 02 con chung là Đinh Thị Mai T1, sinh ngày 02/01/2014 và Đinh Văn T2, sinh ngày 31/5/2015 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện của chị S về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

3. Về tài sản, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hà Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị S đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002691 ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn. Chị S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Báo chị S và anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- UBND phường H, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Quyết